TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;
2. Bà Lê Huỳnh Ngọc Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa*:** Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 255/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2022 về: *"Tranh chấp ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXX- DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1992; địa chỉ cư trú: Tổ 16, ấp AL, xã CL, huyện TT, tỉnh An Giang..

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm: 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp NT, xã AT, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, bà T có mặt; ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/6/2022 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông C được hình thành là do mai mối, được cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2014, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã AT, huyện TT, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50 ngày 29/5/2014. Cuộc sống chung hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, nên thường xuyên gây cải, mặc dù bà cố gắng nhịn nhục làm ăn để cải thiện, nhưng không được,

nên bà bỏ nhà chồng về cha mẹ sinh sống và ly thân với ông C từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông C.

Về quan hệ con chung: Bà với ông C không có con chung;

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông C không có tài sản chung;

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông C không có nợ chung.

Ông C đã được thông báo hợp lệ để tham gia phiên hợp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông C vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, bà T bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà T – ông C chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do kinh tế gia đình khó khăn, nên thường xuyên gây cải nhiều lần dẫn đến ly thân, gia đình hàn gắn không thành... nên bà T xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà T khởi kiện: "Tranh chấp ly hôn" với ông C, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông C có địa chỉ cư trú tại xã AT, huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Ông C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T – ông C kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 50 ngày 29/5/2014, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà T bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do kinh tế gia đình khó khăn, nên thường xuyên gây cải, mặc dù bà cố gắng nhịn nhục làm ăn để cải thiện, nhưng không được, nên bà bỏ nhà chồng về cha mẹ sinh sống và ly thân với ông C từ năm 2015 cho đến nay….

Qua trình bày của bà T, mặc dù ông C vắng mặt, nhưng tại các biên bản xác minh vào cùng ngày 18/7/2022 của Tòa án thể hiện: Vợ chồng bà T – ông C có mâu thuẫn từ hơn 06 năm nay, do bà T thường xuyên bỏ nhà đi, khi bỏ nhà 4 – 5 ngày, khi bỏ nhà đi cả tuần lễ, và lúc trở về thì vợ chồng thường xuyên cải vã, lần bỏ nhà đi sau cùng là khoảng hơn 06 năn nay. Gia đình hai bên có đứng ra động viên hàn gắn nhưng không thành. Bản thân C cũng đã từng gửi đơn ly hôn nộp Tòa án, nhưng vì bận công việc làm ăn xa không thể chờ Tòa giải quyết, nên chủ động rút đơn lại… Xét khã năng T – C đoàn tụ để về chung sống lại là không thể…

Với những chứng cứ thu thập vừa nêu, xét mâu thuẫn giữa bà T – ông C đã thật sự trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Bà T khai bà với ông C không có con chung, nên HĐXX không xem xét gải quyết.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Bà T khai, bà và ông C không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do ông C vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cặp ở phần quyết định, mà giải thích cho bà T biết nếu sau này ông C có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung, nợ chung và ông C có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Minh C.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị T – ông Nguyễn Minh C không có con chung;

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008471 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (*bà T nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/8/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- Các đương sự;
-UBND xã AT;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ